

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2020/DS- ST

Ngày: 28/7/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê;

2. Ông Phạm Văn Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Tố Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 165/2020/DSST ngày 06 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1859/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2496/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K.

Địa chỉ: Đường P, Phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Tạ Quý T, sinh năm 1978 – Đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền số 1610/UQ-NHKL ngày 31/7/2019).

Địa chỉ: Số 366A₁₃ – 366A₁₄ P, Phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 21/36F T, phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 31/7/2019; các bản khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP K là ông Tạ Quý T trình bày:*

Ngày 14/9/2017, Ông Nguyễn Văn P (sau đây gọi tắt là Bị đơn) có ký Hợp đồng tín dụng số 164/17/HĐTD/1502-6749 với Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Sài Gòn – PGD G (sau đây gọi tắt là Bị đơn) để vay số tiền 755.000.000 đồng,

thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày giải ngân (14/9/2017). Lãi suất vay là 11,7%/năm. Lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 4,05%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên số dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả lãi vay là trả định kỳ 01 tháng 01 lần; Ngày trả lãi vay đầu tiên 01 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên, ngày trả lãi vay tiếp theo hàng tháng trùng với ngày trả lãi vay đầu tiên. Kỳ hạn trả nợ gốc: Chia làm 72 phân kỳ (mỗi phân kỳ là 01 tháng, từ kỳ 01 đến kỳ 71, mỗi tháng trả 10.500.000 đồng tiền nợ gốc, kỳ 71 trả 9.500.000 đồng tiền nợ gốc).

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Bị đơn đã thế chấp tài sản là xe ô tô nhãn hiệu KIA (Số loại Sorento 22D ATH; Màu trắng; Số khung: RNYXH52A6HC097873; số máy D4HBGH001287; Thể tích động cơ 2199cm³; Biển số 51F-490.xx; Sản xuất năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 304906 ngày 13/9/2017) cho Nguyên đơn theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 164/17/HĐTC-MMTB/1502-6749 ngày 14/9/2017 đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Tp. Hồ Chí Minh ngày 14/9/2017.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết kể từ ngày 14/7/2019 cho đến nay.

Nhận thấy Bị đơn không có thiện chí thanh toán các khoản nợ cho Nguyên đơn nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn trả cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 641.079.349 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng tạm tính từ ngày Bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho đến ngày 28/7/2020 bao gồm lãi trong hạn là 128.494.912 đồng, lãi quá hạn là 42.657.800 đồng và lãi phạt chậm trả lãi là 12.583.835 đồng. Tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 28/7/2020 cho đến khi Bị đơn thanh toán hết nợ. Trường hợp Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản mà Bị đơn thế chấp để thu hồi nợ.

** Theo bản khai ngày 29/4/2020; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Bị đơn - ông Nguyễn Văn Phục trình bày:*

Bị đơn thống nhất với lời trình bày của Nguyên đơn về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp. Bị đơn xác nhận tính đến ngày 02/3/2020 Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền 779.195.128 đồng (Bao gồm nợ gốc: 641.079.349 đồng, lãi trong hạn: 103.501.625 đồng, lãi chậm trả lãi: 8.045.686 đồng, nợ lãi quá hạn: 26.568.468 đồng). Hiện nay, do tình hình kinh tế khó khăn nên Bị đơn không có khả năng trả ngay một lần toàn bộ số nêu trên nên đề nghị được trả dần trong thời hạn 06 tháng. Nếu Bị đơn không thanh toán được nợ trong 06 tháng thì Bị đơn đồng ý giao tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA (Số loại Sorento 22D ATH; Màu trắng; Số khung: RNYXH52A6HC097873; số máy D4HBGH001287; Thể tích động cơ 2199cm³; Biển số 51F-490.xx; Sản xuất năm

2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 304906 ngày 13/9/2017) cho Nguyên đơn xử lý theo quy định.

Việc vay mượn nợ là của cá nhân Bị đơn và Nguyên đơn; ngoài ra không có liên quan đến ai khác.

Tại phiên tòa hôm nay, dù đã được Tòa án tổng đạt văn bản triệu tập hợp lệ tuy nhiên Bị đơn vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Đại diện Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 không có kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 164/17/HĐTD/1502-6749 ngày 14/9/2017; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 164/KUNN.CN ngày 14/9/2017 mà hai bên đã xác lập xác định Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Nguyên đơn, do đó đối với yêu cầu Bị đơn trả số nợ gốc và các khoản tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán cho đến khi vụ án được đưa ra xét xử là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn thanh toán tiền nợ gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng số 164/17/HĐTD/1502-6749 ngày 14/9/2017 mà hai bên đã ký kết ngày 14/9/2017. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động cấp tín dụng của Nguyên đơn với khách hàng cá nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách đương sự: Nguyên đơn ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Tạ Quý T. Xét là sự tự nguyện, hợp lệ, không trái pháp luật nên chấp nhận.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo kết quả xác minh của Công an phường C, Quận M thì Bị đơn có địa chỉ thường trú tại 21/36F T, phường C, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh nhưng hiện nay không thực tế cư trú tại địa chỉ trên, hiện nay ở đâu

không rõ, đi nơi khác không khai báo địa chỉ mới cho địa phương. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

[1.4] Về việc giải quyết vắng mặt đối với đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn có đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và tham gia buổi hòa giải vào ngày 11/5/2020. Sau đó, các buổi làm việc tiếp theo, Bị đơn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, đại diện Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đòi tiền nợ gốc:

Nguyên đơn được phép hoạt động trong lĩnh vực tín dụng theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 17001977xx do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp. Hợp đồng tín dụng được giao kết giữa hai bên có hình thức, nội dung không trái pháp luật, không trái đạo đức nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 164/17/HĐTD/1502-6749 ngày 14/9/2017; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 164/KUNN.CN ngày 14/9/2017; Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải ngày 14/9/2017; Biên bản gửi giữ tài sản số 164/17/BBGTS/1502-6749 ngày 14/9/2017 mà hai bên ký kết, bảng sao kê giao dịch, bảng chiết tính lãi mà Nguyên đơn cung cấp cũng như sự thừa nhận của Bị đơn có cơ sở để xác định Bị đơn có vay của Nguyên đơn số tiền 755.000.000 đồng để thanh toán tiền mua xe ô tô nhãn hiệu KIA - SORENTO mới 100% vào ngày 14/9/2017, hai bên thỏa thuận thời hạn vay là 72 tháng từ ngày 14/9/2017 đến ngày 14/9/2023. Quá trình thực hiện Hợp đồng, Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền nợ gốc là 113.920.651 đồng, tiền lãi trong hạn là 75.752.501 đồng, tiền lãi quá hạn là 4.722.993 đồng, tiền lãi chậm trả lãi là 1.703.417 đồng. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 3 Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/8/2018. Tính đến nay, Bị đơn còn nợ Nguyên đơn số tiền gốc là 641.079.349 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 11/5/2020, Bị đơn xác nhận còn nợ Nguyên đơn số tiền tạm tính đến ngày 02/3/2020 là 779.195.128 đồng, đồng thời Bị đơn cũng trình bày vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị được trả dần số nợ nói trên trong thời hạn 06 tháng. Trường hợp không thanh toán được toàn bộ số nợ trên trong thời hạn 06 tháng Bị đơn sẽ giao tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu KIA (Số loại Sorento 22D ATH; Màu trắng; Số khung: RNYXH52A6HC097873; số máy DAHBGH001287; Thể tích động cơ 2199cm³; Biển số 51F-490.xx; Sản xuất năm 2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 304906 ngày 13/9/2017) cho Nguyên đơn xử lý theo quy định.

Để có cơ sở xem xét đề nghị của Bị đơn, đại diện Nguyên đơn đề nghị được kiểm tra lại tình trạng tài sản thế chấp. Các bên đã thống nhất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 11/5/2020, Bị đơn sẽ xuất trình xe KIA hiện do Bị đơn quản lý, sử dụng để Nguyên đơn tiến hành kiểm tra, thẩm định lại. Tuy nhiên, Bị đơn đã không thực

hiện và Nguyên đơn cũng không thể liên lạc với Bị đơn. Do Bị đơn không có thiện chí trong việc thanh toán nợ vay nên đại diện Nguyên đơn không đồng ý hòa giải nữa, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử buộc Bị đơn phải trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Nguyên đơn sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Việc Nguyên đơn có quyền yêu cầu thu hồi toàn bộ dư nợ còn lại của Bị đơn mà không phải chờ đến khi kết thúc thời hạn vay là có căn cứ theo quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Do vậy, xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán ngay một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật toàn bộ nợ gốc là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn về trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền lãi chậm trả lãi:

Theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết có quy định: Lãi suất vay là 11,7%/năm, lãi suất vay được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng kiên long tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng biên độ 4,05%/năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên số dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả lãi là 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả lãi vay là trả định kỳ 01 tháng 01 lần, Ngày trả lãi vay đầu tiên 01 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên là ngày trả lãi vay tiếp theo hàng tháng trùng với ngày trả lãi vay đầu tiên. Kỳ hạn trả nợ gốc: Chia làm 72 phân kỳ (mỗi phân kỳ là 01 tháng, từ kỳ 01 đến kỳ 71, mỗi tháng trả 10.500.000 đồng tiền nợ gốc, kỳ 71 trả 9.500.000 đồng tiền nợ gốc).

Căn cứ vào các Quyết định ban hành biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam và Đô la Mỹ tại Ngân hàng TMCP K ban hành năm 2017, năm 2018, năm 2019, năm 2020 xác định Nguyên đơn đã áp dụng lãi suất cho vay trong hạn đối với Bị đơn theo từng thời điểm là đúng quy định pháp luật. Do vậy việc Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi vay trong hạn tạm tính từ ngày 14/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/7/2020 với số tiền 128.494.912 đồng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết.

Căn cứ khoản 2 Điều 2 khoản 1, khoản 2 Điều 8 Hợp đồng tín dụng, Nguyên đơn có quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc và yêu cầu Bị đơn phải trả tiền lãi suất nợ quá hạn (= 150% lãi suất vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, tính trên dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả) tính từ ngày 14/8/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 28/7/2020 với số tiền 42.657.800 đồng.

Căn cứ khoản 3 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng đã ký thì hai bên thỏa thuận lãi suất chậm trả là 10%/năm, tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Do hợp đồng tín dụng được hai bên xác lập vào năm 2017 nên Nguyên đơn có quyền yêu cầu Bị đơn trả khoản tiền lãi chậm trả tính từ ngày 14/8/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 28/7/2020 với số tiền 12.583.835 đồng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-

HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đình chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Từ những phân tích ở trên, xét các khoản tiền lãi mà Nguyên đơn yêu cầu Bị đơn thanh toán là có cơ sở chấp nhận phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01/01/2011.

[2.3] Đối với yêu cầu của Nguyên đơn về việc phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp Bị đơn không trả được nợ: Căn cứ Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị phương tiện vận tải số 164/17/HĐTC-MMTB/502-6749 ngày 14/9/2017, Biên bản giữ giữ tài sản số 164/17/BBGTS/1502-6749, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 304906 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2017, việc Bị đơn dùng tài sản thuộc sở hữu của Bị đơn là chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA (Số loại Sorento 22D ATH; Màu trắng; Số khung: RNYXH52A6HC097873; số máy D4HBGH001287; Thể tích động cơ 2199cm³; Biển số 51F-490.xx; Sản xuất năm 2017 đứng tên Bị đơn thế chấp cho Nguyên đơn để bảo đảm cho khoản vay 755.000.000 đồng là hợp lệ. Hai bên đã thực hiện các thủ tục thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật.

Theo văn bản cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm, hợp đồng, thông báo việc kê biên tài sản thi hành án ngày 20/3/2020 của Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho Tòa án nhân dân Quận 1 có nội dung tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm vào lúc 15 giờ 51 phút ngày 14/9/2017 giữa Nguyên đơn và Bị đơn theo Hợp đồng số 164/17/HĐTC-MMTB/1502-6749 ngày 14/9/2017.

Theo Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của văn bản số 413/PC08-ĐKX ngày 19/3/2019 của Phòng Cảnh sát Giao thông Đường bộ Đường sắt - Công an Tp. Hồ Chí Minh trả lời có nội dung chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA (Số loại Sorento 22D ATH; Màu trắng; Số khung: RNYXH52A6HC097873; số máy D4HBG001287; Thể tích động cơ 2199cm³; Biển số 51F-490.xx; Sản xuất năm 2017) đứng tên Bị đơn ông Nguyễn Văn P.

Từ những căn cứ nêu trên, xét yêu cầu của Nguyên đơn về việc nếu Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA (Số loại Sorento 22D ATH; Màu trắng; Số khung: RNYXH52A6HC097873; số máy D4HBGH001287; Thể tích động cơ 2199cm³; Biển số 51F-490.xx; Sản xuất năm 2017 đứng tên Bị đơn ông Nguyễn Văn P theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 304906 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2017 để bảo đảm thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 164/17/HĐTC-MMTB/1502-6749 ngày 14/9/2017 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Tp. Hồ Chí Minh ngày 14/9/2017 là có cơ sở vì hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết là một giao dịch có bảo đảm, đã tuân thủ đúng quy định về thủ tục nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Do vậy, yêu cầu của Nguyên đơn về việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên là phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 323, Điều 299 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận. Tài sản thế chấp sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự về xử lý tài sản thế chấp.

[2.4] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ dân sự: Trong vụ án này, Bị đơn trình bày khoản nợ trên là nợ riêng của cá nhân Bị đơn, không liên quan đến ai khác. Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu Bị đơn có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, không yêu cầu ai cùng với Bị đơn thực hiện nghĩa vụ dân sự nên không buộc ai phải cùng có trách nhiệm liên đới đối với khoản nợ của Bị đơn.

[2.5] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và giải quyết nội dung vụ án nêu trên phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận thì Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền phải thanh toán theo quy định pháp luật; Nguyên đơn được hoàn lại tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 280; Điều 292; 293; 298; 299; 303; 317; 318; 319; 323 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng đã được sửa đổi, bổ sung năm 2010, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2011;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Thông báo số 15/TB-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về việc đính chính Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2014;

- Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn - Ngân hàng TMCP K:

Buộc ông Nguyễn Văn P trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật cho Ngân hàng TMCP K số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 164/17/HĐTD/1502-

6749 ngày 14/9/2017; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 164/KUNN.CN ngày 14/9/2017 tổng cộng là 824.915.896 đồng (Tám trăm hai mươi bốn triệu, tám trăm mười lăm ngàn, tám trăm chín mươi sáu đồng), trong đó:

- Nợ gốc là 641.079.349 đồng (Sáu trăm bốn mươi một triệu, bảy mươi chín ngàn, ba trăm bốn mươi chín đồng);

- Nợ lãi tạm tính từ ngày 14/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/7/2020 gồm:

- + Lãi trong hạn là 128.494.912 đồng (Một trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi bốn ngàn, chín trăm mười hai đồng),

- + Lãi quá hạn là 42.657.800 đồng (Bốn mươi hai triệu, sáu trăm năm mươi bảy ngàn, tám trăm đồng),

- + Lãi phạt chậm trả lãi là 12.583.835 đồng (Mười hai triệu, năm trăm tám mươi ba ngàn, tám trăm ba mươi lăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 29/7/2020 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Văn P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 164/17/HĐTD/1502-6749; Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 164/KUNN.CN mà các bên xác lập ngày 14/9/2017.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn P không trả tiền hoặc trả không đủ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA (Số loại Sorento 22D ATH; Màu trắng; Số khung: RNYXH52A6HC097873; số máy D4HBGH001287; Thể tích động cơ 2199cm³; Biển số 51F-490.xx; Sản xuất năm 2017 đứng tên ông Nguyễn Văn P theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 304906 do Phòng Cảnh sát Giao thông - Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/2017 theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải số 164/17/HĐTC-MMTB/1502-6749 ngày 14/9/2017 được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản Tp. Hồ Chí Minh ngày 14/9/2017 để thu hồi nợ.

Các bên thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Nguyễn Văn P phải chịu án phí là 36.747.477 đồng (Ba mươi sáu triệu, bảy trăm bốn mươi bảy ngàn, bốn trăm bảy mươi bảy đồng).

Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.338.599 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm ba mươi tám ngàn, năm trăm chín mươi chín đồng) theo Biên lai thu số AA/2019/0005897 ngày 05/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng TMCP K, ông Nguyễn Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./ .

Nơi nhận:

- VKSND Q 1;
- VKSND TP. HCM;
- TAND TP. HCM;
- CC THADS Q1;
- Đường sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Thu Hiền